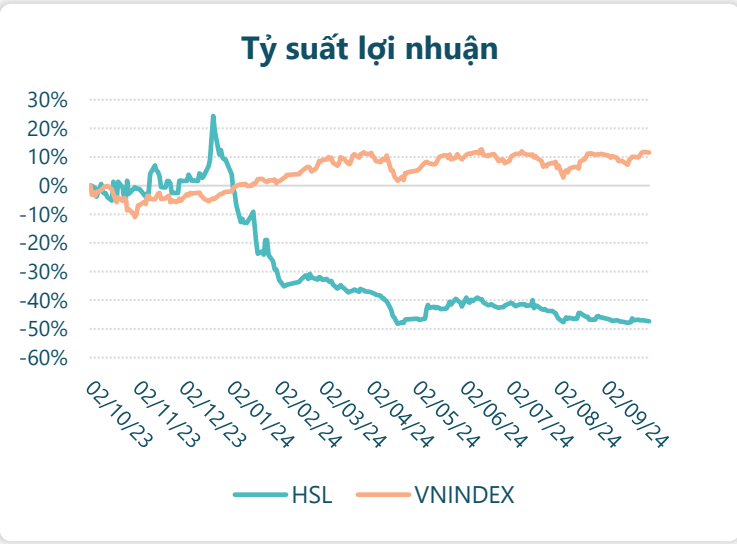


Ngày	4,470 VNĐ		
30/09/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-2.4%	-10.6%	-16.0%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	4,394 - 10,550
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	172
Số lượng CPLH (CP)	38,567,363
KLGD BQ 20 phiên (CP)	138,780
Sở hữu nước ngoài	2.1%
Beta	0.68
EPS	300
P/E	14.9



Doanh thu thuần
Q3/24

18.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▼50.7 | -73.3%

YoY: ▼19.1 | -50.8%

Nợ/VCSH
Q3/24

5.0%

YoY: +/- ▼ 0.6%

LN gộp
Q3/24

1.72

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.68 | -61.0%

YoY: ▼0.82 | -32.4%

ROE (TTM)
Q3/24

2.6%

YoY: +/- ▼ 0.1%

LN trước thuế
Q3/24

1.32

tỷ VNĐ

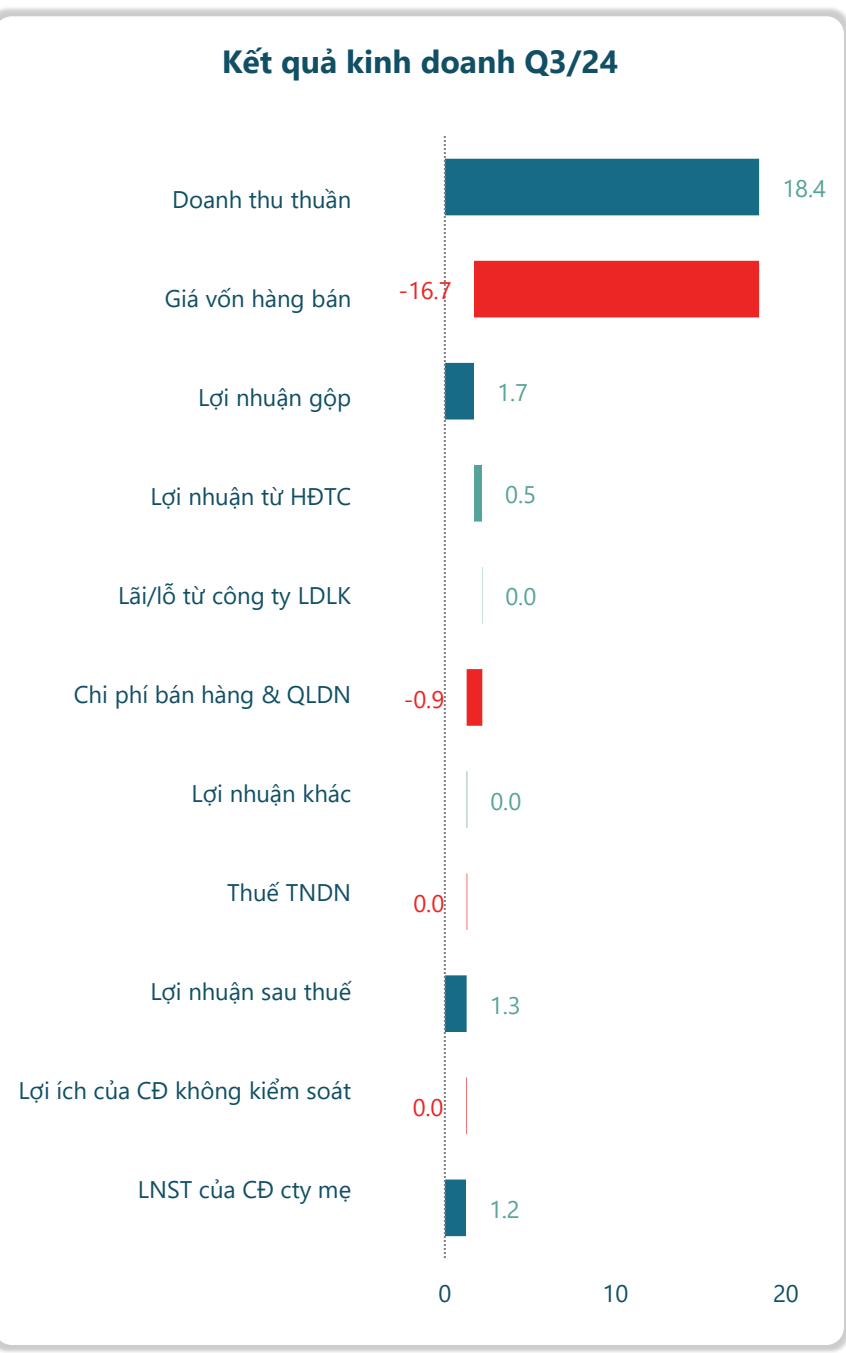
QoQ: ▼1.73 | -56.8%

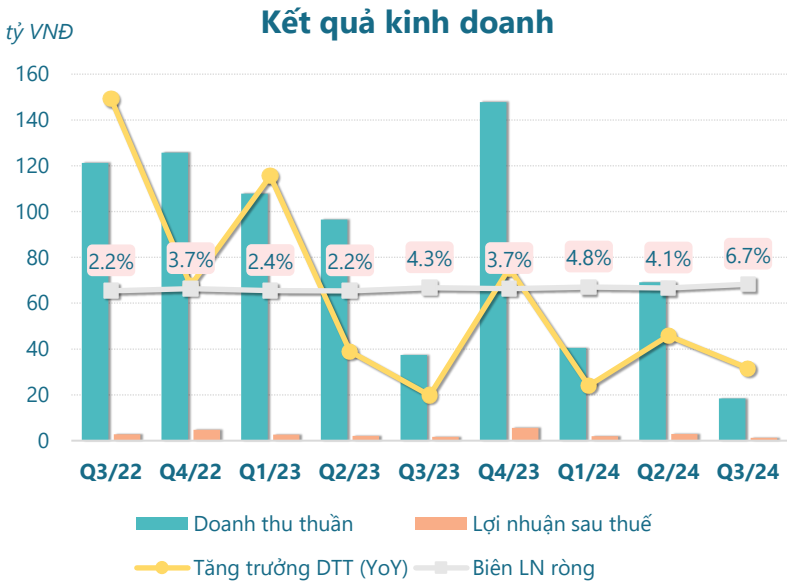
YoY: ▼0.54 | -29.2%

ROA (TTM)
Q3/24

2.4%

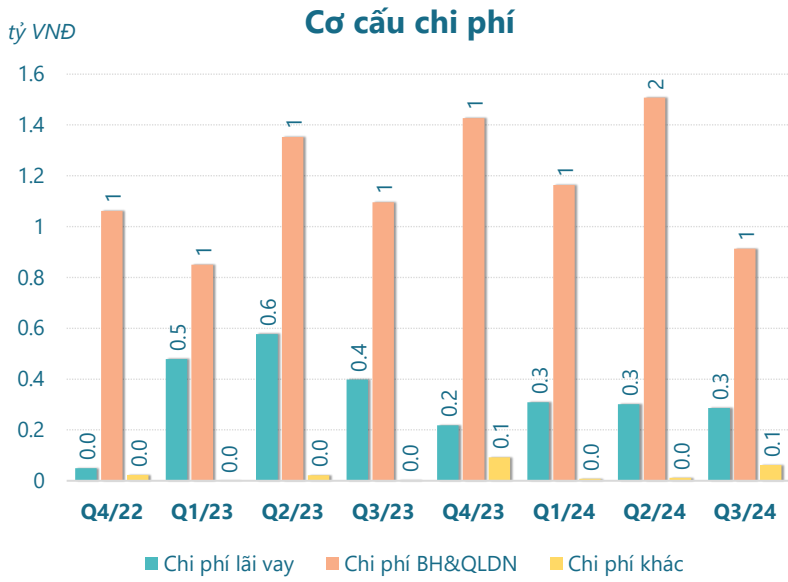
YoY: +/- ▼ 0.1%





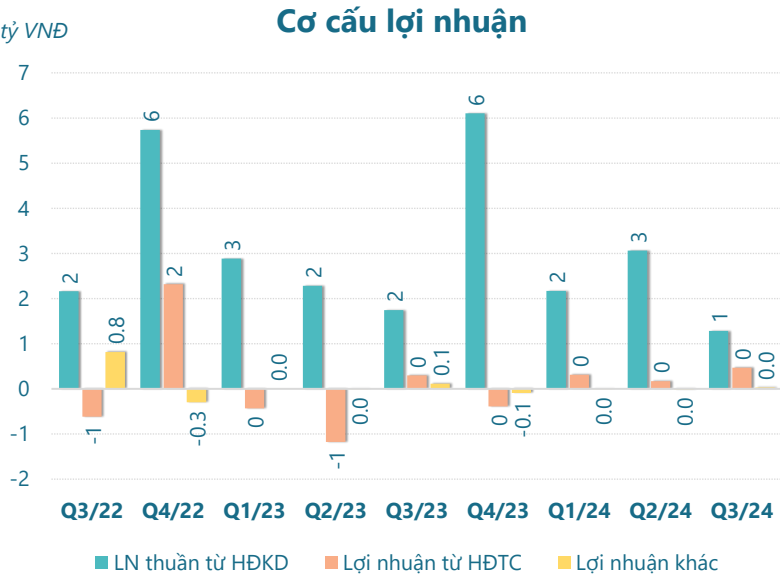
Tại quý III năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 1.29 tỷ đồng**, giảm đi 58.0% so với kỳ trước và thấp hơn 25.9% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lãi 0.47 tỷ đồng**, tăng thêm 176% so với kỳ trước và cao hơn 56.7% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lãi 0.03 tỷ đồng**, tăng thêm 0.04 tỷ đồng so với kỳ trước và thấp hơn 75.0% so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **HSL** quý III năm 2024, doanh thu thuần đạt **18.44 tỷ đồng** giảm đi **50.8%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 1.29 tỷ đồng, giảm sút 24.6%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **128.0 tỷ đồng** thấp hơn 47.1% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 6.00 tỷ đồng** bằng so với cùng kỳ năm trước.



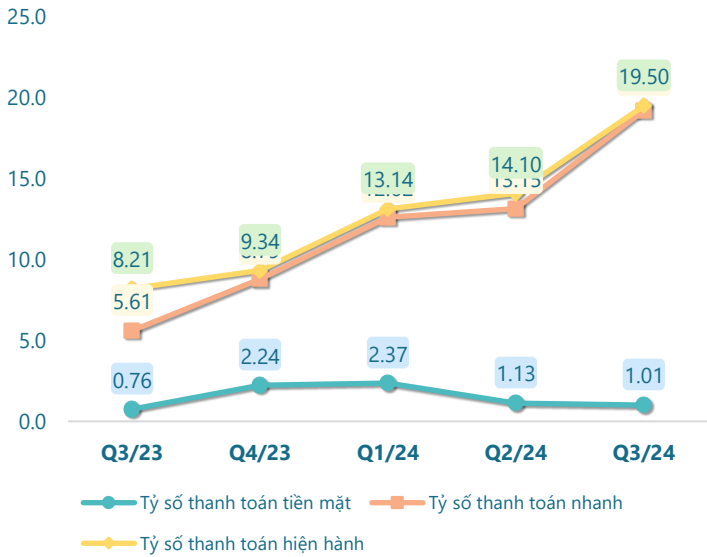
Tại quý III, chi phí lãi vay bằng **0.29 tỷ đồng** giảm đi 3.33% so với kỳ trước và thấp hơn 27.5% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **0.91 tỷ đồng** giảm đi 39.7% so với kỳ trước và thấp hơn 17.3% so với cùng kỳ năm trước.

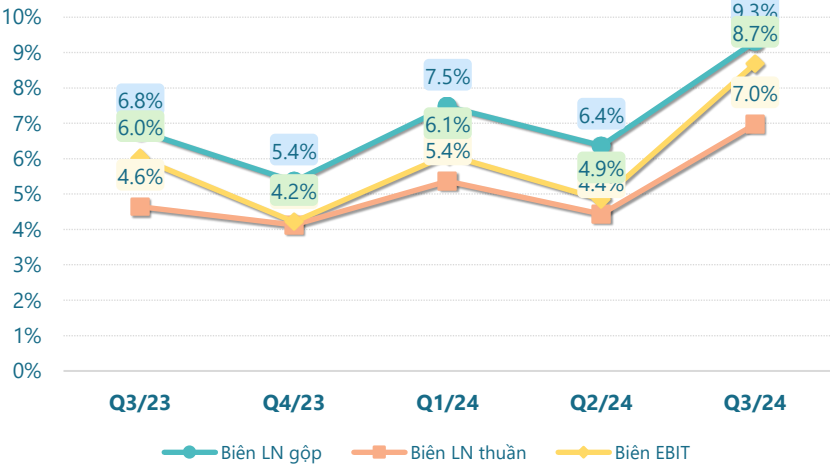
Chi phí khác bằng **0.06 tỷ đồng** tăng thêm 500% so với kỳ trước và tăng thêm 0.06 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q2/24	Thay đổi QoQ	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	18.4	69.1	-73.3%	37.5	-50.8%	128	242	-47.1%
Giá vốn hàng bán	16.7	64.7	-74.1%	34.9	-52.1%	119	231	-48.6%
Lợi nhuận gộp	1.72	4.40	-61.0%	2.54	-32.4%	9.15	10.6	-14.0%
Doanh thu HĐTC	0.65	0.57	14.9%	0.69	-5.1%	1.84	1.05	76.0%
Chi phí TC	0.19	0.40	-52.6%	0.40	-52.6%	0.90	2.35	-61.9%
Chi phí lãi vay	0.29	0.30	-4.7%	0.40	-28.5%	0.90	1.45	-38.4%
LN trong công ty LKLD	0.02	0.00		0.00		0.02	0.88	-98.0%
Chi phí bán hàng	0.18	0.48	-62.6%	0.16	12.2%	1.05	0.46	127%
Chi phí QLDN	0.73	1.03	-28.7%	0.93	-21.1%	2.53	2.84	-10.7%
LN thuần từ HĐKD	1.29	3.07	-58.1%	1.74	-26.1%	6.52	6.91	-5.6%
Lợi nhuận khác	0.03	-0.01	398%	0.12	-75.1%	0.01	0.12	-91.7%
LN trước thuế	1.32	3.05	-56.8%	1.86	-29.2%	6.53	7.03	-7.0%
Lợi nhuận sau thuế	1.29	2.92	-56.0%	1.71	-24.8%	6.20	6.50	-4.6%
LNST của CĐ cty mẹ	1.24	2.84	-56.4%	1.60	-22.6%	6.02	6.31	-4.7%

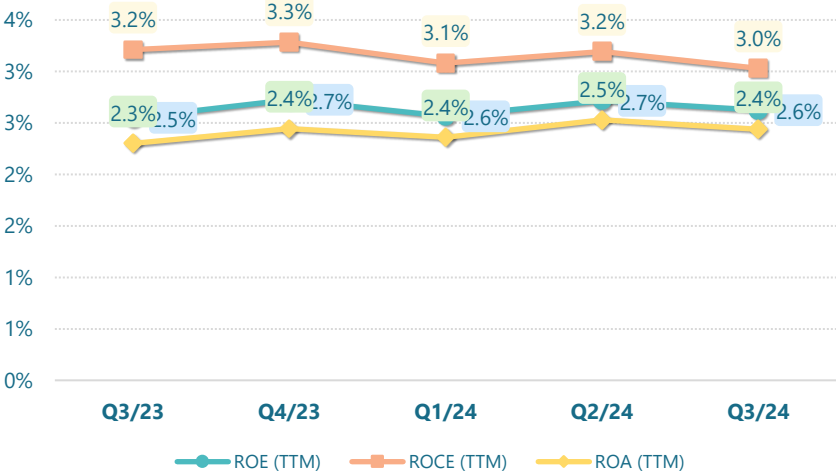
Chỉ số thanh khoản



Biên lợi nhuận



Tỷ suất sinh lợi



Vòng quay tài sản

